TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 05-02-2024.
V/v tranh chấp Hợp đồng tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Bà Võ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chí P, kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 01 và ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1961 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Thị, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn*: Ông Cao Văn A, sinh năm: 1981 (vắng mặt không có lý do);

Nơi cư trú: Ấp Thị, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị Bích P1, sinh năm: 1991 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Thị, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2023, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày*: Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 30/5/2020 (biên nhận ghi ngày 30/5/2000 do sai sót) ông L có cho ông Cao

Văn A vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất là 50.000đ/1.000.000đ/tháng, mục đích vay là để làm ăn, thời hạn vay là vài ngày. Do ông L viết chữ kém nên ông L có nhờ bà Nguyễn Thị Bích P1 viết biên nhận nợ, chữ viết trong biên nhận nợ là của bà P1, ông L và ông A cùng ký tên trong biên nhận. Sau khi nhận tiền vay ông A không có trả tiền lãi và nhiều lần yêu cầu ông A trả tiền vay gốc cho ông L nhưng đến nay ông A không trả.

Nay ông Nguyễn Văn L yêu cầu ông Cao Văn A trả lại số tiền vay gốc là 15.000.000đ và lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 30/5/2020 đến ngày 20/11/2023 là 10.250.000đ và tiếp tục tính lãi trên số tiền vay gốc cho đến khi xét xử.

- *Bị đơn ông Cao Văn A*: Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông A không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của ông L cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của ông A về việc yêu cầu khởi kiện của ông L.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị Bích P1 trình bày*: Vào năm 2020 do bà P1 ở gần nhà của ông L và ông A, ông L có cho ông A vay tiền nhưng ông L viết chữ kém, ông L có nhờ bà P1 viết biên nhận việc có cho ông A vay tiền, biên nhận ngày 30/5/2000 do ông L cung cấp là chữ viết và chữ ký tên người làm chứng là của bà P1 do bà P1 viết và ký tên. Bà P1 có chứng kiến việc ông L đưa cho ông A số tiền vay là 15.000.000đ tại nhà của ông L và có chứng kiến ông L và ông A cùng ký tên và viết họ tên trong biên nhận, bà P1 cam đoan chữ ký tên và chữ viết họ tên trong biên nhận là của ông Cao Văn A. Bà P1 xác định thời điểm ông Nguyễn Văn L đưa tiền vay cho ông Cao Văn A và ký tên vào biên nhận là ngày 30/5/2020dl, do thời điểm đó bà P1 ghi nhầm là năm 2000. Bà P1 cam kết thời điểm vay tiền là ngày 30/5/2020, không phải là ngày 30/5/2000, bà P1 không biết có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L trình bày: Biên nhận ngày 30/5/2020 là do bà P1 viết và ký tên, chữ ký tên A và họ tên Cao Văn A là do bà P1 viết thay cho ông A vì ông A không biết chữ. Ông L giao tiền cho ông A vào thời điểm viết biên nhận và có mặt bà P1 chứng kiến, từ khi ông A nhận tiền vay đến nay không có trả tiền gốc lãi. Nay ông L yêu cầu ông A trả lại số tiền vay gốc là 15.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 351, 357, 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L buộc ông Cao Văn A phải trả số tiền vay gốc là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, ông Cao Văn A hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Biên nhận ngày 30/5/2020(dl), ông L có cho ông A vay số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), nhưng đến nay ông A không có trả tiền nợ vay gốc lãi, nên làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Biên nhận ngày 30/5/2020(dl), Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh vào năm 2020, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Cao Văn A vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người làm chứng bà Nguyễn Thị Bích P1 vắng mặt có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy ông A đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông A vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo Biên nhận nhận ngày 30/5/2020(dl), Tòa án huyện đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định pháp luật tố tụng, nhưng ông A không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A và bà P1 là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Biên nhận ngày 30/5/2020(dl) và căn cứ lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Bích P1, ông L có cho ông A vay số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm*

triệu đồng) là có thật và đã xảy ra, ông A đã nhận đủ số tiền vay 15.000.000đ và có sự chứng kiến của bà P1, bà P1 cũng cam kết ông A có nhận 15.000.000đ tiền vay từ ông L. Từ khi nhận tiền vay đến nay ông A không trả nợ gốc và lãi, hiện nay còn nợ số tiền gốc là 15000.000đ, căn cứ lời khai của ông L và bà P1 thì ông A có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 15.000.000đ cho ông L vào ngày 30/6/2020, đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng ông A không có trả nợ cho ông L nên ông A đã vi phạm hợp đồng vay tài sản nêu trên đối với ông L. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông L buộc ông A có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc là 15.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Ông L khai chữ ký tên và chữ viết họ tên của ông Cao Văn A trong biên nhận nợ là do bà P1 viết thay. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bà P1, bà P1 có chứng kiến việc ông L giao tiền vay cho ông A từ đó có căn cứ chứng minh ông A có vay của ông L số tiền 15.000.000đ và đã nhận đủ số tiền vay. Ông L cam đoan từ khi giao tiền vay cho ông A đến nay ông A không trả số tiền gốc và lãi nào khác, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc ông A đã trả xong tiền nợ cho ông L, thì ông L hoàn toàn chịu trách nhiệm. Ông A đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông A không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của ông L và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông A, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của ông A đối với số tiền nợ nêu trên.

Đối với lãi suất, tại phiên tòa ông L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc 15.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L buộc ông A có trách nhiệm trả lại cho ông L số tiền còn nợ gốc là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Căn cứ Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí ngày 20/11/2023 của ông Nguyễn Văn L với lý do ông L là người cao tuổi, nên ông Nguyễn Văn L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn ông Cao Văn A phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Cao Văn A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Cao Văn A có trách nhiệm cá nhân trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền còn nợ 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Cao Văn A phải chịu 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- CTTĐT Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ